

NHẬN THỨC CỦA NGƯỜI HỌC VỀ VIỆC GIÁO VIÊN SỬ DỤNG TRUYỆN CỔ TÍCH TRONG GIẢNG DẠY KỸ NĂNG ĐỌC HIỂU TIẾNG HÀN

Nguyễn Hoàng Thảo

Trường Đại học Ngoại ngữ, Đại học Huế

nhthao@hueuni.edu.vn

<https://doi.org/10.63506/jilc.0903.390>

(Nhận bài: 20/06/2025; Hoàn thành phản biện: 12/11/2025; Duyệt đăng: 29/12/2025)

Tóm tắt: Truyện cổ tích Hàn Quốc khi được biên soạn lại thường có từ vựng đơn giản, cấu trúc lặp lại, giàu yếu tố văn hóa và mang giá trị giáo dục cao. Vì vậy, đây là nguồn tài liệu hữu ích cho việc giảng dạy tiếng Hàn. Nghiên cứu định lượng này khảo sát 103 sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, có trình độ tiếng Hàn trung cấp (TOPIK 3, 4). Kết quả cho thấy người học đánh giá cao hiệu quả của truyện cổ tích trong việc nâng cao năng lực đọc hiểu, đồng thời họ cũng gặp khó khăn chủ yếu liên quan đến từ vựng và cách diễn đạt khi đọc hiểu văn bản truyện cổ tích Hàn Quốc. Ngoài ra, người học đặc biệt quan tâm đến các truyện có nội dung tương đồng với truyện cổ tích Việt Nam. Kết quả góp phần làm rõ nhận thức của người học đối với việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy kỹ năng đọc.

Từ khóa: Truyện cổ tích Hàn Quốc; kỹ năng đọc; người học tiếng Hàn trung cấp

STUDENTS' PERCEPTIONS OF TEACHERS' USE OF FOLKTALES IN KOREAN READING COMPREHENSION INSTRUCTION

Abstract: Adapted Korean folktales are characterized by simple vocabulary, repetitive structures, rich cultural elements, and high educational value, making them a valuable resource for Korean language instruction. Using a quantitative approach, the author conducted a survey of 103 intermediate-level Korean learners (TOPIK levels 3 and 4) from the Department of Korean Language and Culture. The findings reveal that learners highly appreciate the effectiveness of folktales in improving Korean reading comprehension skills, while also experiencing difficulties mainly related to vocabulary and expressions when reading Korean folktales. In addition, learners show particular interest in Korean folktales that share thematic similarities with Vietnamese folktales. The findings contribute to understanding learners' perceptions of teachers' use of Korean folktales in reading comprehension instruction.

Key words: Korean folktales; Reading skills; intermediate Korean language learners

1. Mở đầu

Truyện cổ tích là thể loại văn học quen thuộc với hầu hết mọi người. Trong kho tàng truyện cổ tích Việt Nam và Hàn Quốc, có nhiều câu chuyện mang nội dung tương đồng như *Tám Cám*, *Ba lưỡi rìu*, hay *Ngưu Lang Chức Nữ*... Thông qua truyện cổ tích, người học tiếng Hàn có thể tiếp cận văn hóa Hàn Quốc một cách tự nhiên và có cơ hội tiếp cận các biểu hiện tiếng Hàn mang tính văn hoá như từ tượng thanh, từ tượng hình, thành ngữ, tục ngữ. Ngoài ra, người học sẽ dễ dàng tiếp thu các giá trị quan, giá trị tình cảm của người Hàn Quốc chứa đựng trong câu chuyện.

Truyện cổ tích Hàn Quốc bắt nguồn từ kho tàng văn học truyền miệng và được lưu truyền qua nhiều thế hệ (Kim và cộng sự, 1995). Trong bối cảnh giảng dạy tiếng Hàn hiện nay, các văn bản này thường được biên soạn lại để phù hợp với trình độ và nhu cầu của người học. Đối với các bản truyện cổ tích được biên soạn cho trình độ trung cấp, văn bản thường được trình bày với cấu trúc đơn giản và các tình tiết lặp lại, giúp người học dễ dàng nắm bắt ý chính của câu chuyện, dự đoán diễn biến tiếp theo cũng như nhận diện đặc điểm của nhân vật.

Shin (2004) cho rằng truyện cổ tích là một thể loại văn học không thể thiếu khi học tiếng Hàn và nên được chú ý như một thể loại có thể áp dụng linh hoạt từ trình độ sơ cấp đến cao cấp. Theo Koo và Yoo (2008), truyện cổ tích đã được lưu truyền trong thời gian dài và các câu chuyện tương tự được phổ biến rộng rãi ở nhiều quốc gia trên thế giới, do đó rất hữu ích trong việc giảng dạy các yếu tố từ vựng, ngữ pháp và văn hóa.

Trên thực tế, có rất nhiều tài liệu hỗ trợ phong phú về đề tài truyện cổ tích như truyện tranh, tranh minh họa và phim hoạt hình, vì vậy có thể sử dụng các nguồn tài liệu nghe nhìn này để làm cho tiết học trở nên hấp dẫn và hiệu quả hơn. Nếu sử dụng những truyện cổ tích tương tự này trong giáo dục tiếng Hàn, người học có thể tiếp thu tiếng Hàn và văn hóa Hàn Quốc dễ dàng hơn thông qua quá trình khám phá những điểm giống và khác nhau giữa các câu chuyện.

Trong nghiên cứu này, truyện cổ tích được xem là ngữ liệu giàu tính ngôn ngữ và văn hóa, được sử dụng như phương tiện hỗ trợ phát triển kỹ năng ngôn ngữ (đặc biệt là kỹ năng đọc hiểu) trong giảng dạy tiếng Hàn như một ngoại ngữ. Việc sử dụng truyện cổ tích trong lớp học nhằm mục tiêu giúp người học rèn luyện kỹ năng ngôn ngữ, mở rộng vốn từ, làm quen với cấu trúc ngữ pháp trong bối cảnh giao tiếp tự nhiên, đồng thời tiếp cận các giá trị văn hóa Hàn Quốc qua các biểu tượng và nội dung truyện.

Theo kết quả thống kê về giáo trình tiếng Hàn được sử dụng tại các trường đại học ở Việt Nam của Dương Mỹ Lanh (2020), cùng với số liệu thống kê về tần suất xuất hiện của truyện cổ tích Hàn Quốc trong các giáo trình như Yonsei Korean, Tiếng Hàn tổng hợp dành cho người Việt, Kyunghee Korean, Sogang University Korean, Seoul University Korean... của Nguyễn Hoàng Thảo (2022), mặc dù truyện cổ tích có rất nhiều ưu điểm, tuy nhiên chúng hầu như không được sử dụng như một nguồn ngữ liệu chính thức trong chương trình giảng dạy, hoặc chỉ xuất hiện với tần suất rất hạn chế. Với những đặc trưng về từ vựng, cấu trúc và yếu tố văn hóa, truyện cổ tích cần được khai thác một cách hiệu quả hơn trong việc nâng cao kỹ năng đọc hiểu và hiểu biết về văn hóa cho người học tiếng Hàn.

Nghiên cứu này nhằm tìm hiểu nhận thức của người học tiếng Hàn trình độ trung cấp về việc sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy kỹ năng đọc và những khó khăn họ gặp phải, và từ đó xác định nhu cầu học tập. Nghiên cứu được thực hiện để trả lời các câu hỏi sau:

1. Người học trình độ trung cấp tiếng Hàn nhận thức như thế nào về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy đọc hiểu?

2. Những khó khăn người học gặp phải khi đọc hiểu truyện cổ tích Hàn Quốc là gì?

2. Cơ sở lý luận

2.1 Đặc điểm và giá trị giáo dục của truyện cổ tích Hàn Quốc

Truyện cổ tích là một thể loại văn học dân gian được truyền miệng qua nhiều thế hệ và thường gắn liền với tâm hồn trẻ thơ (Son, 1984). Theo Choi và Kim (1998), truyện cổ tích không chú trọng đến tính xác thực mà đề cao giá trị giáo huấn và văn hóa. Lee (1999) cũng định nghĩa truyện cổ tích Hàn Quốc là những câu chuyện truyền miệng, có yếu tố truyền thuyết, thường mang nội dung khuyên răn, đặc biệt hấp dẫn đối với trẻ em. Tương tự, Han (2003) cho rằng truyện cổ tích, với bản chất dựa trên tinh thần trẻ thơ, thể hiện rõ tình cảm và tư tưởng dân tộc, khác biệt với truyện sáng tác ở chỗ chúng lưu giữ được giá trị truyền thống qua quá trình truyền miệng.

Jo (1996) đã chỉ ra các đặc trưng nổi bật của truyện cổ tích như cấu trúc điển hình (mở đầu - phát triển - cao trào - kết thúc), chủ đề khuyến thiện trừng ác, nhân vật đối lập thiện - ác, và yếu tố kỳ ảo. Nhờ cấu trúc và nội dung lặp lại quen thuộc, truyện cổ tích vừa đơn giản về mặt ngôn ngữ, vừa giàu ý nghĩa văn hóa. Tương tự, nghiên cứu của Ju (2002) cũng cho rằng truyện cổ tích Hàn Quốc có cốt truyện đơn giản, tập trung vào các sự kiện với đầu và cuối cố định, thường mang yếu tố tưởng tượng và thể giới kỳ ảo. Truyện thường xuất hiện hai nhân vật chủ đạo với tính cách trái ngược, giàu yếu tố hài hước và dí dỏm, đồng thời phản ánh đặc điểm văn hóa và bản sắc dân tộc. Những đặc trưng này khiến truyện cổ tích vừa dễ tiếp cận vừa hấp dẫn, đặc biệt thích hợp làm nguồn ngữ liệu trong giáo dục ngôn ngữ nhờ khả năng duy trì hứng thú học tập.

Bên cạnh yếu tố tưởng tượng và cấu trúc điển hình, truyện cổ tích còn mang nhiều giá trị giáo dục sâu sắc. Theo Choi và Kim (1998), truyện cổ tích giúp phát triển trí tưởng tượng, năng lực ngôn ngữ, nuôi dưỡng cảm xúc, truyền tải tư tưởng, kinh nghiệm sống và giá trị đạo đức dân tộc. Đồng thời, hình thức kể chuyện còn góp phần xây dựng mối quan hệ xã hội giữa người kể và người nghe.

Taylor (2000) cũng nhận định rằng truyện cổ tích có ngôn ngữ đơn giản, dễ tiếp cận, giàu yếu tố văn hóa và phù hợp với cả trẻ em lẫn người lớn, nhờ đó có hiệu quả cao trong giáo dục. Những đặc điểm này giúp truyện cổ tích không chỉ là công cụ giải trí, mà còn là phương tiện giáo dục nhân cách, nuôi dưỡng tư duy phản biện và hình thành thể giới quan cho người học. Vì vậy, truyện cổ tích đóng vai trò như một cầu nối giữa ngôn ngữ và giáo dục văn hóa trong quá trình dạy học tiếng Hàn.

Các nghiên cứu về giảng dạy tiếng Hàn như một ngoại ngữ cho thấy truyện cổ tích Hàn Quốc có cốt truyện đơn giản, mang tính lặp lại và dễ dự đoán, sử dụng ngôn ngữ tương đối giản dị nhưng giàu tính biểu đạt, đồng thời phản ánh hệ giá trị văn hóa – đạo đức truyền thống của người Hàn Quốc. Nhờ nội dung mang tính giáo huấn và hình thức kể chuyện hấp dẫn, truyện cổ tích được xem là nguồn ngữ liệu có giá trị giáo dục cao, góp phần duy trì hứng thú học tập và hỗ trợ phát triển kỹ năng đọc hiểu. Trên cơ sở đó, nghiên cứu này tập trung khảo sát nhận thức của người học về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn.

2.2 Việc dạy và học ngoại ngữ thông qua truyện cổ tích

Trong giảng dạy ngoại ngữ, truyện cổ tích được coi là nguồn ngữ liệu giàu giá trị văn hóa và mang tính biểu tượng cao, đồng thời tạo ra một môi trường học tập thân thiện, giúp người học tiếp cận ngôn ngữ mới một cách tự nhiên (Simon, 2022). Những câu chuyện này, nhờ nội dung gần gũi và giá trị văn hóa phong phú, có thể hỗ trợ phát triển kỹ năng đọc hiểu, củng cố từ vựng và cấu trúc ngữ pháp, đồng thời khuyến khích người học khám phá các giá trị văn hóa và bài học đạo đức tiềm ẩn trong cốt truyện.

Ngoài ra, một số nghiên cứu đã khảo sát về việc sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy kỹ năng đọc. Safitri (2023) chỉ ra rằng học sinh học tiếng Anh như một ngoại ngữ mong muốn học kỹ năng đọc thông qua truyện dân gian để nâng cao từ vựng và hiểu biết về văn hóa, đồng thời tăng hứng thú đọc. Yoon (2017) nghiên cứu việc sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy tiếng Hàn và nhận thấy rằng truyện cổ tích có thể giúp tăng động lực học đọc và hỗ trợ người học trong việc tiếp nhận ngôn ngữ cũng như văn hóa. Các nghiên cứu này cho thấy, việc sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy có thể đáp ứng nhu cầu học tập của người học, đặc biệt khi nội dung được thiết kế phù hợp với trình độ và gắn với văn hóa.

Năng lực giao tiếp liên văn hóa ngày càng trở nên quan trọng trong giáo dục ngoại ngữ hiện đại. Byram (1997) nhấn mạnh sự cần thiết phát triển khả năng giao tiếp hiệu quả trong các bối cảnh văn hóa đa dạng thông qua việc hiểu và đánh giá các giá trị văn hóa khác biệt. Đồng quan điểm, Kramsch (1993) cho rằng học ngôn ngữ không thể tách rời việc học văn hóa, bởi vì văn hóa tạo nền tảng trong giao tiếp và giúp người học sử dụng ngôn ngữ một cách phù hợp trong từng hoàn cảnh. Ngoài ra, theo Bennett (1993), việc phát triển năng lực liên văn hóa giúp người học nâng cao nhận thức và mang thái độ tích cực đối với sự đa dạng văn hóa, từ đó cải thiện hiệu quả giao tiếp.

Trong bối cảnh đó, truyện cổ tích trở thành phương tiện lý tưởng để tích hợp dạy văn hóa trong giảng dạy tiếng Hàn cũng như các ngoại ngữ khác. Các câu chuyện chứa đựng giá trị truyền thống, phong tục, tín ngưỡng góp phần trong việc mở rộng hiểu biết về văn hóa của người học và giúp người học xây dựng nền tảng vững chắc trong việc giao tiếp đa văn hóa một cách hiệu quả.

Qua đó, có thể thấy rằng việc học ngoại ngữ thông qua truyện cổ tích không chỉ giúp nâng cao năng lực ngôn ngữ mà còn hình thành năng lực liên văn hóa - một yếu tố quan trọng trong việc học tập ngoại ngữ hiện đại. Việc sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy giúp phát triển toàn diện các kỹ năng ngôn ngữ và hiểu biết về văn hóa, tạo điều kiện cho người học tự tin giao tiếp và hòa nhập hiệu quả trong môi trường đa văn hóa, đồng thời thúc đẩy sự phát triển bền vững trong quá trình học ngoại ngữ (Byram, 1997; Kramsch, 1993).

2.3 Truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn

Đọc hiểu trong giảng dạy ngoại ngữ không chỉ là giải mã chữ viết mà còn là tiếp nhận, xử lý và hiểu thông tin dựa trên ngữ cảnh, kiến thức nền và yếu tố văn hóa - xã hội (Woo, 2016). Kwon (1999) nhấn mạnh đây là quá trình tương tác giữa người đọc, văn bản và mục đích đọc, trong đó kiến thức ngôn ngữ và kiến thức nền đóng vai trò trung tâm. Đọc hiểu là quá trình người đọc dựa vào kiến thức ngôn ngữ học và kiến thức nền của mình để hiểu văn bản, đồng thời diễn giải nó dựa trên nhu cầu và mục đích riêng của bản thân. Quá trình này bao gồm các cấp độ hiểu mô tả, hiểu suy luận và hiểu phê phán, từ đó giúp người học không chỉ nắm bắt được ý nghĩa bề mặt mà còn thấu hiểu sâu sắc nội dung văn bản.

Theo Ko (2005), giáo dục kỹ năng đọc tiếng Hàn như một ngoại ngữ cần đặt mục tiêu cuối cùng là nâng cao năng lực đọc hiểu toàn diện, bao gồm ba khía cạnh chính: thứ nhất, đảm bảo người học có thể hiểu được ngay sau khi hoàn thành việc đọc; thứ hai, người học không chỉ dừng lại ở việc hiểu các câu ngắn mà còn nắm bắt được ý nghĩa tổng thể của đoạn văn dài; thứ ba, khi gặp từ hoặc cụm từ không biết, người học có khả năng tự tra từ điển để hiểu bài viết.

Truyện cổ tích đã được biên soạn lại với độ dài vừa phải, từ ngữ đơn giản, cấu trúc mạch lạc cùng nội dung gần gũi là nguồn tư liệu lý tưởng để phát triển kỹ năng đọc hiểu cho người học tiếng Hàn. Các câu chuyện này giúp người học tiếp cận từ vựng và cấu trúc ngữ pháp phù hợp với trình độ, đồng thời kích thích tư duy suy luận và cảm thụ văn học qua các tình huống giàu tính biểu tượng và cảm xúc. Việc tiếp xúc nhiều lần với các yếu tố ngôn ngữ trong truyện cổ tích cũng giúp người học củng cố kiến thức và nâng cao khả năng nhận diện cấu trúc câu, từ đó phát triển kỹ năng đọc hiểu ở cả mức độ cơ bản lẫn nâng cao (Nguyễn Hoàng Thảo, 2022).

Bên cạnh đó, khảo sát nhận thức của giáo viên và người học của Kim (2021) cũng nhấn mạnh vai trò và tiềm năng của truyện cổ tích. Theo kết quả nghiên cứu, hơn 83% giáo viên tiếng Hàn nhận thức rõ sự cần thiết và giá trị của truyện cổ tích trong giảng dạy, đồng thời khẳng định có thể khai thác truyện cổ tích để thực hiện giáo dục văn hóa và văn học. Tuy nhiên, phần lớn các nghiên cứu hiện nay tập trung vào giáo viên, trong khi góc nhìn của người học, đặc biệt là người học Việt Nam, vẫn còn hạn chế.

Trong bối cảnh đó, từ góc độ người học, một số nghiên cứu cho thấy người học tiếng Hàn như một ngoại ngữ gặp phải nhiều khó khăn trong quá trình đọc, đặc biệt khi tiếp cận các văn bản mang tính tự sự và chứa đựng nhiều yếu tố văn hóa. Mặc dù các nghiên cứu trực tiếp khảo sát khó khăn khi đọc truyện cổ tích Hàn Quốc vẫn còn hạn chế, các nghiên cứu về kỹ năng đọc tiếng Hàn đã chỉ ra một số yếu tố tác động đến khả năng đọc hiểu của người học.

Cụ thể, Lee và Park (2019) cho rằng lo lắng khi đọc ngoại ngữ có thể làm suy giảm khả năng xử lý thông tin, suy luận và ghi nhớ nội dung văn bản của người học tiếng Hàn là người Việt, đặc biệt khi tiếp cận các văn bản có độ khó cao hoặc chứa nhiều yếu tố văn hóa xa lạ. Bên cạnh đó, các nghiên cứu về kỹ năng đọc của sinh viên chuyên ngữ tiếng Hàn cũng cho thấy những khó khăn phổ biến liên quan đến hạn chế về vốn từ vựng, thiếu kiến thức văn hóa – xã hội và việc vận dụng chiến lược đọc chưa hiệu quả (Nguyễn Thị Ngọc Bích & Nguyễn Đức Long, 2021). Những khó khăn này được cho là có xu hướng gia tăng khi người học tiếp cận các văn bản mang tính biểu tượng và gắn chặt với bối cảnh văn hóa của ngôn ngữ đích, như truyện cổ tích.

Từ những nhận định trên, có thể thấy rằng việc sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy đọc hiểu vừa có khả năng mang lại giá trị giáo dục vừa đặt ra những thách thức nhất định đối với người học. Điều này cho thấy sự cần thiết của việc khảo sát nhận thức của người học về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn, nhằm hiểu rõ hơn cả lợi ích và khó khăn trong quá trình tiếp nhận loại hình văn bản này.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1 Đối tượng và khách thể nghiên cứu

Nghiên cứu này được thực hiện nhằm khảo sát nhận thức của người học về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy kỹ năng đọc hiểu, đồng thời tìm hiểu khó khăn họ gặp phải khi đọc hiểu loại văn bản này. Nghiên cứu sử dụng phương pháp định lượng, với dữ liệu được thu thập bằng bảng câu hỏi khảo sát trực tuyến.

Đối tượng khảo sát gồm 103 sinh viên Khoa Ngôn ngữ và Văn hóa Hàn Quốc, đã đạt chứng chỉ năng lực tiếng Hàn TOPIK trung cấp (cấp 3 hoặc 4). Tất cả sinh viên đều đang theo học các lớp kỹ năng đọc trung cấp và tham gia khảo sát trên tinh thần tự nguyện. Nhóm đối tượng có độ tuổi từ 19 đến 22, với thời gian học tiếng Hàn trung bình từ 2 đến 3 năm. Việc lựa chọn nhóm người học ở trình độ này xuất phát từ đặc điểm của các bản truyện cổ tích đã được biên soạn cho mục đích giảng dạy, với ngữ pháp và từ vựng được điều chỉnh đơn giản, cấu trúc ngắn gọn, dung lượng vừa phải, phù hợp với khả năng tiếp nhận của người học.

Hơn nữa, theo tiêu chí đánh giá kỹ năng đọc hiểu của Kỳ thi Năng lực tiếng Hàn (TOPIK), người học trung cấp được kỳ vọng có thể đọc và nắm bắt nội dung các văn bản như truyện ngắn hay truyện cổ tích (National Institute for International Education [NIIED], n.d.). Nghiên cứu trước đây cũng cho thấy truyện cổ tích xuất hiện với tần suất cao nhất trong các giáo trình tiếng Hàn ở cấp độ trung cấp (Nguyễn Hoàng Thảo, 2022). Những yếu tố trên khẳng định rằng việc lựa chọn người học trung cấp làm đối tượng khảo sát là phù hợp và có ý nghĩa thực tiễn.

Khảo sát được tiến hành trong tháng 4 năm 2024 qua Google Form. Toàn bộ thông tin khảo sát được đảm bảo ẩn danh và chỉ phục vụ cho mục đích nghiên cứu.

3.2 Công cụ thu số liệu

Bảng hỏi gồm có ba phần. Phần một tập trung vào thông tin cơ bản về người học, bao gồm trình độ năng lực tiếng Hàn (TOPIK) và thời gian học tiếng Hàn. Những thông tin này phản ánh đặc điểm ngôn ngữ của người học (Nunan, 1999),

Phần hai tìm hiểu về nhận thức của người học về việc sử dụng truyện cổ tích tiếng Hàn trong giảng dạy đọc hiểu. Phần này được xây dựng dựa trên nghiên cứu của Joung và Shin (2023), tập trung vào bốn khía cạnh: trải nghiệm học, mức độ hứng thú, thể loại văn bản quan tâm và nhận thức về ý nghĩa học tập. Những khía cạnh này đều có ảnh hưởng trực tiếp đến kỹ năng đọc của người học. Trải nghiệm học giúp người học nhận biết cấu trúc câu, từ vựng và ngữ pháp trong truyện cổ tích. Hứng thú tạo động lực học tập, giúp người học tập trung và ghi nhớ thông tin tốt hơn khi đọc. Sở thích về thể loại văn bản hỗ trợ việc tiếp nhận nội dung dễ dàng, đồng thời phát triển khả năng nắm ý chính và suy luận chi tiết. Cuối cùng, nhận thức về mục đích học tập giúp người học lựa chọn chiến lược đọc phù hợp (như skimming, scanning hay inferencing), từ đó nâng cao năng lực đọc hiểu tổng thể.

Phần ba tìm hiểu khó khăn của người học khi đọc truyện cổ tích. Phần này dựa trên công trình của Koo (2013), trong đó các yếu tố như từ vựng, cấu trúc câu, ngữ pháp và bối cảnh văn hóa được xem là ảnh hưởng chính đến khả năng đọc hiểu văn bản. Khảo sát này không chỉ làm rõ những trở ngại mà người học gặp phải mà còn đánh giá khả năng liên tưởng giữa truyện cổ tích Hàn Quốc và Việt Nam, cung cấp cơ sở để thiết kế hoạt động học tập phù hợp với trình độ và nhận thức của người học.

Trong nghiên cứu này, tác phẩm “Rìu vàng, rìu bạc” được chọn làm ngữ liệu khảo sát vì cốt truyện ngắn gọn, tình tiết đơn giản và có cấu trúc lặp lại, giúp người học tiếp cận nội dung mà không gây gánh nặng về mặt ngôn ngữ cho người học. Truyện cũng phù hợp với tiêu chí đọc hiểu ở trình độ TOPIK 3, trong đó người học cần có khả năng đọc hiểu các văn bản đơn giản với chủ đề quen thuộc. Đặc biệt, nội dung truyện có nhiều điểm tương đồng với truyện cổ tích Việt Nam “Ba lưỡi rìu”, giúp người học dễ dàng liên hệ. Hơn nữa, “Rìu vàng, rìu bạc” chưa từng được sử

dụng trong nghiên cứu về giảng dạy tiếng Hàn cho người học Việt Nam, nên việc lựa chọn tác phẩm này góp phần tạo nên tính mới cho nghiên cứu.

Bảng 1

Cấu trúc của bảng hỏi

Phần 1	Thông tin về người học	2 câu hỏi - Cấp độ năng lực tiếng Hàn (TOPIK). - Thời gian học tiếng Hàn.
Phần 2	Nhận thức về việc sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy đọc hiểu	6 câu hỏi - Kinh nghiệm học tiếng Hàn sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc. - Mức độ hứng thú với việc học đọc qua truyện cổ tích. - Thể loại truyện cổ tích mà người học muốn tìm hiểu. - Ý nghĩa của việc học tiếng Hàn thông qua truyện cổ tích.
Phần 3	Khó khăn của người học khi đọc truyện cổ tích Hàn Quốc	5 câu hỏi - Mức độ hiểu văn bản truyện cổ tích. - Các yếu tố gây khó khăn khi đọc văn bản truyện cổ tích. - Khả năng liên tưởng giữa truyện cổ tích Hàn Quốc và truyện cổ tích Việt Nam.

4. Kết quả nghiên cứu

4.1 Nhận thức của người học về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích tiếng Hàn trong giảng dạy đọc hiểu tiếng Hàn

Để tìm hiểu nhận thức của người học về việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy đọc hiểu tiếng Hàn, khảo sát đã thu thập dữ liệu liên quan đến trải nghiệm học, mức độ hứng thú, nhận định về tính hữu ích, loại truyện được quan tâm và cách thức dạy học mà người học cho là phù hợp. Câu hỏi đầu tiên hỏi về trải nghiệm của người học tiếng Hàn thông qua truyện cổ tích Hàn Quốc.

Bảng 2

Kết quả khảo sát về trải nghiệm học tiếng Hàn qua truyện cổ tích Hàn Quốc

Phương án lựa chọn	Số lượng/103	Tỉ lệ (%)
Đã từng	73	70,9
Chưa từng	30	29,1

Kết quả Bảng 2 cho thấy 73 người học (70,9%) đã từng học tiếng Hàn thông qua truyện cổ tích. Điều này cho thấy phần lớn người học đã có cơ hội tiếp xúc với truyện cổ tích Hàn Quốc trong quá trình học tập.

Bảng 3 cho thấy truyện cổ tích được sử dụng nhiều nhất trong tiết đọc hiểu (48 người, 64%), tiếp theo là nghe hiểu (12 người, 17,3%), nói (10 người, 14,7%) và viết (3 người, 4%). Kết quả cho thấy truyện cổ tích Hàn Quốc được sử dụng nhiều nhất trong tiết đọc hiểu. Kết quả này cho thấy người học thường tiếp xúc truyện cổ tích trong bối cảnh luyện đọc, từ đó có cơ sở để đánh giá mức độ phù hợp của việc đưa truyện vào giảng dạy kỹ năng này.

Bảng 3

Kỹ năng tiếng Hàn được giảng dạy thông qua truyện cổ tích

Kỹ năng	Số lượng/73	Tỉ lệ (%)
Nghe	12	17,3
Nói	10	14,7
Đọc	48	64
Viết	3	4

Bảng 4 cho thấy tất cả 73 sinh viên từng học truyện cổ tích (100%) đều cho rằng truyện cổ tích hỗ trợ tích cực cho kỹ năng đọc tiếng Hàn (Bảng 4). Như vậy, người học có nhận thức rất tích cực về vai trò của truyện cổ tích trong giảng dạy đọc hiểu.

Bảng 4

Nhận thức của người học về tính hữu ích của việc học tiếng Hàn qua truyện cổ tích

Phương án lựa chọn	Số lượng/73	Tỉ lệ (%)
Truyện cổ tích giúp ích cho kỹ năng đọc tiếng Hàn	73	100
Truyện cổ tích không giúp ích cho kỹ năng đọc tiếng Hàn	0	0

Bên cạnh đó, mức độ hứng thú đối với việc học đọc qua truyện cổ tích cũng rất cao. 97,1% (100/103 người) bày tỏ mong muốn tham gia lớp đọc hiểu có sử dụng truyện cổ tích (Bảng 5). Điều này phản ánh một thái độ tiếp nhận tích cực và kỳ vọng của người học đối với hình thức dạy học này.

Bảng 5

Kết quả khảo sát nhu cầu của người học về việc tiết học kỹ năng đọc hiểu sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc

Phương án lựa chọn	Số lượng/103	Tỉ lệ (%)
Muốn học tiết học kỹ năng đọc sử dụng truyện cổ tích	100	97,1
Không muốn học tiết học kỹ năng đọc sử dụng truyện cổ tích	3	2,9

Ngoài ra, để duy trì sự hứng thú và tránh gây nhàm chán trong giờ học, việc lựa chọn văn bản đọc phù hợp là yếu tố then chốt. Do đó, nghiên cứu tiếp tục khảo sát loại truyện cổ tích mà người học quan tâm. Kết quả được trình bày trong Bảng 6 dưới đây.

Bảng 6

Loại truyện cổ tích mong muốn được học

Phương án lựa chọn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Truyện cổ tích Hàn Quốc có nội dung tương tự với truyện cổ tích Việt Nam	70	68
Truyện cổ tích chỉ có ở Hàn Quốc	62	60,2
Truyện cổ tích Hàn Quốc có nội dung giống với truyện cổ tích các nước khác	23	22,3

Câu hỏi này cho phép người học lựa chọn nhiều phương án, và kết quả cho thấy có 70 người học cho rằng họ muốn học những truyện cổ tích Hàn Quốc có nội dung tương tự với truyện cổ tích Việt Nam. Số người chọn những truyện cổ tích chỉ có ở Hàn Quốc là 62 người học, trong khi 23 người học chọn các truyện cổ tích Hàn Quốc có nội dung tương tự với truyện cổ tích các nước khác. Điều này cho thấy sở thích của người học đối với hai loại truyện cổ tích này là khá tương

đồng, chúng tôi họ muốn được học cả hai. Vì vậy, khi lựa chọn nội dung giảng dạy, cần chú ý đến những loại truyện mà người học mong muốn để có thể đưa ra các nội dung giáo dục phù hợp.

Ngoài ra, nghiên cứu còn tìm hiểu nhận thức của người học về cách thức tổ chức dạy học (Bảng 7).

Bảng 7

Ý kiến của người học về phương pháp dạy học hiệu quả khi sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc

Phương án lựa chọn	Số lượng	Tỉ lệ (%)
Giải thích từ vựng, ngữ pháp trước, sau đó đọc hiểu nội dung truyện cổ tích	67	65
Đọc hiểu nội dung truyện cổ tích thông qua các tài liệu nghe nhìn.	42	40,8
Đọc hiểu nội dung truyện cổ tích thông qua việc so sánh với các câu chuyện tương tự.	15	14,6
Giải thích cốt truyện trước, sau đó đọc hiểu nội dung.	40	38,8

Bảng 7 cho thấy người học đánh giá cao các phương pháp “giải thích từ vựng và ngữ pháp trước khi đọc nội dung” (65%), “sử dụng tài liệu nghe nhìn để đọc hiểu” (40,8%) và “giải thích cốt truyện trước khi đọc” (38,8%). Phương pháp “đối chiếu truyện cổ tích Hàn Quốc với truyện cổ tích của các nước khác” ít được ưa chuộng nhất (14,6%). Kết quả này nhấn mạnh rằng việc cung cấp thông tin cơ bản về từ vựng, ngữ pháp và cốt truyện trước khi bắt đầu đọc văn bản là rất quan trọng, giúp người học dễ dàng tiếp cận và hiểu nội dung hơn.

Kết quả khảo sát Bảng 6 và Bảng 7 cho thấy người học quan tâm đến các truyện cổ tích Hàn Quốc có nội dung tương đồng với truyện Việt Nam, nhưng đồng thời không đánh giá cao phương pháp so sánh các câu chuyện tương tự trong giờ học. Điều này phản ánh rằng, về mặt nội dung, sự tương đồng văn hóa mang lại cảm giác quen thuộc, dễ tiếp cận và tăng hứng thú cho người học; tuy nhiên, về mặt phương pháp, việc yêu cầu so sánh hai truyện một cách có hệ thống lại đòi hỏi khả năng phân tích và năng lực ngôn ngữ cao hơn mức của người học trung cấp. Vì vậy, dù thích nội dung quen thuộc, người học không ưa chuộng phương pháp so sánh. Một lý do khác khiến các phương pháp trong Bảng 7 như “giải thích từ vựng, ngữ pháp trước khi đọc”, “sử dụng tài liệu nghe nhìn” hoặc “giải thích cốt truyện trước” được lựa chọn nhiều hơn là bởi những phương pháp này có tính trực quan, hỗ trợ hiểu nhanh và giảm tải ngôn ngữ, phù hợp hơn với năng lực hiện tại của người học trung cấp.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy người học có nhận thức tích cực đối với việc sử dụng truyện cổ tích trong lớp học hiểu và có những ưu tiên rõ ràng về nội dung cũng như cách tổ chức dạy học. Việc xem xét những yếu tố này khi thiết kế bài giảng có thể giúp tăng mức độ tham gia của người học và nâng cao hiệu quả hoạt động đọc hiểu.

4.2 Khó khăn của người học trong việc đọc hiểu truyện cổ tích Hàn Quốc

Để tìm hiểu những khó khăn người học gặp phải khi đọc truyện cổ tích tiếng Hàn, nghiên cứu sử dụng bản tóm tắt truyện “금도끼, 은도끼 - Rìu vàng, rìu bạc” từ nhiên cứu của Kim (2005) và đưa ra 5 câu hỏi nhằm kiểm tra mức độ hiểu nội dung truyện bao gồm khả năng nắm ý chính, ghi nhớ và nhận diện thông tin chính. Người học được yêu cầu lựa chọn câu mô tả không đúng với nội dung truyện. Kết quả nhằm làm rõ những khó khăn mà người học gặp phải trong quá trình đọc hiểu (xem Bảng 8).

Bảng 8

Khả năng đọc hiểu của người học sử dụng nội dung truyện cổ tích “금도끼, 은도끼 - Rìu vàng, rìu bạc”

Phương án lựa chọn	Số người/103	Tỉ lệ (%)
① Người tiều phu đã lựa chọn cây rìu của mình một cách chính trực.	15	14,6
② Người tiều phu đã chọn cả 2 cây rìu vàng và rìu bạc mà thần núi đưa ra.	72	69,9
③ Người tham lam sẽ bị hình phạt thích đáng.	6	5,8
④ Câu chuyện này nhấn mạnh tính giáo dục về lòng chính trực của con người.	10	9,7

Bảng 8 cho thấy trong số 103 người học trả lời, có 72 người học (69,9%) đã chọn câu trả lời đúng là câu ②. Điều này cho thấy phần lớn người học có thể đọc hiểu chính xác được nội dung câu chuyện. Tuy nhiên, 31 người học còn lại không chọn đúng đáp án, cho thấy một bộ phận người học còn gặp khó khăn trong việc hiểu nội dung văn bản.

Bảng 9

Mức độ đọc hiểu truyện cổ tích

Phương án lựa chọn	Số người/103	Tỉ lệ (%)
50%	18	17,5
70%	40	38,8
100%	45	43,7

Theo kết quả khảo sát mức độ đọc hiểu truyện cổ tích ở Bảng 9, 45 người học (43,7%) cho biết rằng họ có thể hiểu được toàn bộ 100% nội dung câu chuyện, 40 người học (38,8%) hiểu được 70% và 18 người học (17,5%) chỉ hiểu được 50%. Dựa trên kết quả này, có thể nhận thấy phần lớn người học nắm bắt được ý chính của truyện cổ tích. Câu hỏi này cung cấp thông tin bổ sung, giúp đánh giá tổng thể năng lực đọc hiểu của người học.

Bảng 10 cho thấy khó khăn lớn nhất đối với người học là từ vựng (72,8%), tiếp theo là cách diễn đạt (22,3%), trong khi ngữ pháp chỉ chiếm 4,9%. Các kết quả này phù hợp với đặc trưng của truyện cổ tích, vốn thường chứa từ tượng thanh, tượng hình hoặc các biểu đạt cổ, gây trở ngại cho người học trung cấp. Việc lựa chọn truyện “Rìu vàng, rìu bạc”—một câu chuyện có nội dung quen thuộc với người Việt—đã góp phần giảm khó khăn về yếu tố văn hóa, giúp kết quả phản ánh rõ hơn những trở ngại về mặt ngôn ngữ.

Bảng 10

Yếu tố gây khó khăn khi đọc hiểu văn bản truyện cổ tích tiếng Hàn

Phương án lựa chọn	Số người/103	Tỉ lệ (%)
Từ vựng	75	72,8
Ngữ pháp	5	4,9
Cách diễn đạt	23	22,3

Bảng 11 cho thấy 91/103 người học (88,3%) nhận thấy truyện Hàn Quốc có nội dung tương tự truyện cổ tích Việt Nam, trong khi chỉ 11,7% không nhận thấy sự tương đồng. Điều này cho thấy phần lớn người học có khả năng nhận diện và liên hệ các yếu tố nội dung quen thuộc giữa hai nền văn hóa.

Bảng 11

Nhận biết sự tương đồng giữa truyện cổ tích Hàn Quốc và Việt Nam

Phương án lựa chọn	Số người/103	Tỉ lệ (%)
Nội dung tương tự truyện cổ tích Việt Nam	91	88,3
Nội dung khác với truyện cổ tích Việt Nam	12	11,7

Trong số 91 người học nhận thấy sự tương đồng, có 65 người (71,4%) xác định đúng tên truyện Việt Nam tương ứng (“Ba lưỡi rìu”) (Bảng 12). Điều này cho thấy không chỉ hiểu nội dung truyện, người học còn có khả năng kết nối với kiến thức văn hóa đã biết, góp phần hỗ trợ đọc hiểu.

Bảng 12

Khả năng liên hệ tên tác phẩm truyện cổ tích tương tự của người học

Phương án trả lời	Số người/91	Tỉ lệ (%)
Trả lời đúng tên truyện cổ tích “Ba lưỡi rìu”	65	71,4
Trả lời sai tên truyện cổ tích	3	3,3
Không có câu trả lời	23	25,3

5. Thảo luận và đề xuất

Về nhận thức của người học đối với việc giáo viên sử dụng truyện cổ tích Hàn Quốc trong giảng dạy đọc hiểu, kết quả khảo sát cho thấy phần lớn người học (88,3%) nhận thấy nội dung truyện cổ tích Hàn Quốc có sự tương đồng với truyện cổ tích Việt Nam, trong đó 71,4% có thể nhớ chính xác tên truyện tương tự ở Việt Nam. Kết quả này phù hợp với nhận định của Shin (2004) rằng các truyện cổ tích có điểm tương đồng văn hóa giúp người học dễ tiếp cận ngôn ngữ và ghi nhớ nội dung.

Bên cạnh đó, người học đánh giá cao các phương pháp hỗ trợ như giải thích từ vựng, ngữ pháp trước khi đọc, giới thiệu cốt truyện và kết hợp tài liệu nghe nhìn. Đây đều là những cách tiếp cận trực quan, phù hợp với năng lực ngôn ngữ của người học trung cấp. Ngược lại, phương pháp so sánh truyện giữa các quốc gia ít được ưa chuộng hơn, dù nội dung tương đồng vẫn thu hút người học. Điều này có thể do yêu cầu phân tích và tư duy trừu tượng cao hơn so với năng lực hiện tại của họ, đồng thời phản ánh nhận định của Taylor (2000) rằng việc học qua truyện cổ tích hiệu quả nhất khi dựa trên sự đơn giản, lặp lại và tính quen thuộc văn hóa.

Nhìn chung, kết quả khảo sát cho thấy người học có nhận thức tích cực về việc sử dụng truyện cổ tích trong giảng dạy đọc hiểu, đồng thời chỉ ra rõ ràng những khó khăn ngôn ngữ họ gặp phải khi tiếp cận văn bản. Điều này phù hợp với kết quả các nghiên cứu quốc tế về vai trò của văn bản văn học trong phát triển ngôn ngữ và năng lực văn hóa (Byram, 1997; Kramsch, 1993; Simon, 2022).

Về những khó khăn mà người học gặp phải khi đọc truyện cổ tích Hàn Quốc, kết quả khảo sát cho thấy khó khăn chính của người học trung cấp khi đọc truyện cổ tích Hàn Quốc là từ vựng (72,8%), tiếp theo là cách diễn đạt (22,3%) và ngữ pháp (4,9%). Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của Koo (2013), trong đó từ vựng được xác định là yếu tố quan trọng nhất ảnh hưởng đến khả năng đọc hiểu của người học tiếng Hàn trung cấp. Đồng thời, kết quả này cũng tương đồng với quan điểm của Woo (2016) cho rằng thiếu vốn từ vựng phong phú làm hạn chế khả năng giải mã và hiểu nội dung văn bản.

Tuy nhiên, cần lưu ý rằng kết quả khảo sát dựa trên tự báo cáo của người học (self-report) và công cụ khảo sát chưa được thử nghiệm trước (piloting). Do đó, các nhận định này phản ánh đánh giá và cảm nhận của người học, không thể khẳng định hiệu quả sư phạm thực tế.

6. Kết luận

Nghiên cứu đã phân nào làm rõ vai trò của truyện cổ tích Hàn Quốc trong việc hỗ trợ phát triển kỹ năng đọc tiếng Hàn cho người học trình độ trung cấp. Kết quả khảo sát cho thấy người học không chỉ đánh giá cao hiệu quả của truyện cổ tích trong việc nâng cao khả năng đọc hiểu và mở rộng vốn từ vựng, mà còn bày tỏ sự quan tâm đến các yếu tố văn hóa đặc trưng. Sự hứng thú và nhu cầu cao của người học cho thấy việc tích hợp truyện cổ tích vào giảng dạy kỹ năng đọc tiếng Hàn là phù hợp và cần thiết. Đồng thời, nghiên cứu nhấn mạnh rằng thiết kế bài học phù hợp với trình độ và nhu cầu của người học sẽ góp phần thúc đẩy sự tham gia tích cực, nâng cao hiệu quả học tập và tạo cơ hội hiểu biết sâu hơn về văn hóa Hàn Quốc.

Dựa vào kết quả nghiên cứu, chúng tôi đề xuất một số hướng tiếp cận trong giảng dạy tiếng Hàn qua truyện cổ tích như sau: lựa chọn các truyện ngắn với cấu trúc đơn giản và nội dung văn hóa gần gũi; tích hợp giải thích từ vựng, ngữ pháp và cốt truyện trước khi đọc nhằm giảm khó khăn cho người học; khai thác yếu tố văn hóa Hàn Quốc để phát triển năng lực giao tiếp liên văn hóa; sử dụng đa dạng phương tiện nghe nhìn và hoạt động nhóm nhằm tăng tính tương tác và hứng thú học tập; đồng thời phát triển các tài liệu bổ trợ sinh động như truyện tranh hoặc phim hoạt hình.

Ngoài ra, trong nghiên cứu này, tác giả đã sử dụng thang đo hai bậc nhằm khảo sát nhận thức và nhu cầu cơ bản của người học đối với việc học tiếng Hàn thông qua truyện cổ tích (dựa trên Bảng 4 và Bảng 5). Việc sử dụng thang đo dạng có/không giúp xác định thái độ chung và mức độ quan tâm ban đầu của người học. Tuy nhiên, tác giả nhận thấy rằng thang đo hai bậc còn hạn chế trong việc phản ánh mức độ nhu cầu cụ thể, cũng như chưa đủ cơ sở để phân tích sâu hơn về động cơ học tập, sở thích cá nhân hay kỳ vọng của người học. Vì vậy, trong các nghiên cứu tiếp theo, nên xây dựng hệ thống khảo sát chi tiết hơn. Chẳng hạn áp dụng thang đo Likert 4 đến 5 bậc để thu thập dữ liệu ở nhiều cấp độ đồng thuận khác nhau. Cách tiếp cận này không chỉ giúp tăng tính chiều sâu trong phân tích mà còn hỗ trợ xây dựng chương trình giảng dạy phù hợp hơn với nhu cầu thực tế và kỳ vọng cụ thể của người học.

Tài liệu tham khảo

- Bennett, M. J. (1993). Towards ethnorelativism: A developmental model of intercultural sensitivity. In R. M. Paige (Ed.), *Education for the intercultural experience* (pp. 21–71). Intercultural Press. <https://www.scirp.org/reference/referencespapers?referenceid=2214053>
- Byram, M. (1997). *Teaching and assessing intercultural communicative competence*. Multilingual Matters. https://spada.uns.ac.id/pluginfile.php/253332/mod_resource/content/1/ICC%20Byram.pdf
- Choi, W. S., & Kim, K. C. (1998). *Jeonlaedonghwa gyoyuk-ui ireon-gwa silje* [Lý thuyết và thực tiễn dạy học truyện cổ tích Hàn Quốc]. Jipmoondang Publishing.
- Creswell, J. W. (2012). *Educational research: Planning, conducting, and evaluating quantitative and qualitative research* (4th edition). Pearson. <https://www.scirp.org/reference/referencespapers?referenceid=757162>
- Dörnyei, Z. (2007). *Research methods in applied linguistics: Quantitative, qualitative, and mixed methodologies*. Oxford University Press. <https://search.worldcat.org/title/Research-methods-in->

applied-linguistics-%3A-quantitative-qualitative-and-mixed-methodologies/oclc/1342132852?
utm_source

- Duong, M. L. (2020). *Beteunamin hangugeo hagsaeng-eul wihan eohwi gyojae gaebal bang-an yeongu* [Phương pháp biên soạn giáo trình từ vựng cho người Việt học tiếng Hàn] [Luận văn Thạc sĩ]. Đại học Quốc gia Jeonbuk. <https://m.riss.kr/link?id=T15680035>
- Han, S. A. (2003). *Hanguk jeonlaedonghwa-e daehan hae-seokhakjeog ihae* [Hiểu và phân tích truyện cổ tích Hàn Quốc] [Luận án Tiến sĩ]. Đại học Nữ sinh Seoul.
- Jo, K. S. (1996). Hanguk jeonlaedonghwa-ui teukjing-gwa bumo-congye gwan-gye bunseok [Đặc điểm truyện cổ tích Hàn Quốc và mối quan hệ cha mẹ - con cái]. *Hyejeon Jeonmundae Nonmunjip*, 14, 463–481.
- Joung, S. Y., & Shin, S. (2023). Jungguk daehak hangugeo jeon-gong hakseupjareul wihan hangukmunhak sueob hyeonhwang mit yogujoosa [Nghiên cứu về thực trạng và nhu cầu của người học tiếng Hàn chuyên ngành tại các trường đại học Trung Quốc]. *Hanguk Eoneo Munhwa Hak*, 20(3), 231–259. <http://dx.doi.org/10.15652/ink.2023.20.3.231>
- Ju, E. J. (2002). *Munhak teksseuteureul hwal-yonghan hangugeo gyoyuk yeongu* [Phương pháp dạy tiếng Hàn sử dụng văn bản văn học] [Luận văn Thạc sĩ]. Đại học Kyung Hee. <https://www.riss.kr/link?id=T8548453>
- Kim, E. Y. (2021). Hanguk-eo gyojae-e jesidoen jeonlaedonghwa-e daehan sayongja insik josa yeongu [Nghiên cứu khảo sát nhận thức người dùng về truyện cổ tích được trình bày trong giáo trình tiếng Hàn]. *Donghwa wa Beonyeok*, 41, 103–133.
- Kim, S. H. (2005). Jeonlaedonghwa-reul hwal-yonghan Hangugeo gyoyuk bang-an yeongu [Nghiên cứu về phương pháp giảng dạy tiếng Hàn sử dụng truyện cổ tích] [Luận văn thạc sĩ]. Đại học Korea. <https://www.riss.kr/link?id=T10384571>
- Kim, T., Choi, W., Kang, D., Jeon, S., Yun, K., Jeong, S., & Han, C. (1995). *Hanguk gubi munhak gaeron* [Khái luận văn học truyền miệng Hàn Quốc]. Minsogwon.
- Ko, M. K. (2005). *Oegugeoro-seo-ui hangugeo gyoyukhak gaeron* [Khái luận giáo dục tiếng Hàn như một ngoại ngữ]. Bakijeong Publishing.
- Koo, M. J. (2013). Hanguk-eo ilg-gi gyoyukeul wihan tekstu nanido cheukjeongbeop yeongu [Nghiên cứu về phương pháp đo lường độ khó văn bản trong giảng dạy kỹ năng đọc tiếng Hàn] [Luận văn Tiến sĩ]. Đại học Catholic. <http://www.riss.kr/link?id=T13040938>
- Koo, S. H., & Yoo, S. G. (2008). Gyeolhon imin-ja-reul wihan hangugeo·munhwa gyoyuk bang-an yeongu: Jeonlaedonghwa-reul hwaryonghayeo [Phương pháp giáo dục tiếng Hàn và văn hóa cho phụ nữ di trú thông qua truyện cổ tích Hàn Quốc]. *Hangukeo Gyoyuk*, 19(3), 45–64. <https://doi.org/10.18209/iakle.2008.19.3.45>
- Kramersch, C. (1993). *Context and culture in language teaching*. Oxford University Press.
- Kwon, M. J. (1999). Oegugeoro-seo-ui hangugeo ilg-gi gyoyuk - Dokhae jeollyag-eul tonghan hyoyuljeog-in il gi bang-an [Dạy đọc tiếng Hàn như một ngoại ngữ - Chiến lược đọc hiệu quả]. *Hangukeo Gyoyuk*, 10(1), 1–28. <https://kiss.kstudy.com/Detail/Ar?key=1592410>
- Lee, D. S., & Park, S. H. (2019). A study on the reading anxiety of Vietnamese learners of Korean: The case of beginner and intermediate level learners. *Hakseupja Jungsim Gyogwa Gyoyuk Yeongu*, 19(18), 271–289. <http://dx.doi.org/10.22251/jlcci.2019.19.18.271>
- Lee, Y. N. (1999). *Jeonlaedonghwa-ui gyojewa yangsang yeongu* [Nghiên cứu hình thức đưa truyện cổ tích Hàn Quốc vào giáo trình] [Luận văn Thạc sĩ]. Trường đại học Sư phạm Incheon.

- Nguyễn Thị Ngọc Bích & Nguyễn Đức Long. (2021). Kỹ năng đọc hiểu tiếng Hàn Quốc của sinh viên chuyên ngữ năm 2 tại Trường đại học công nghiệp Hà Nội. *Tạp chí Từ điển học và Bách khoa thư*, 1(69), 124–130.
- Nguyen, H. T. (2022). *Jeonlaedonghwa-reul hwaryonghan hangugeo ilg-gi gyoyuk bang-an yeongu* [Nghiên cứu phương án dạy kỹ năng đọc tiếng Hàn thông qua truyện cổ tích Hàn Quốc] [Luận văn Thạc sĩ]. Đại học Quốc gia Jeonbuk. <https://m.riss.kr/link?id=T16096870>
- Nunan, D. (1999). *Second language teaching & learning*. Boston, MA: Heinle & Heinle.
- Safitri, I. (2023). Exploring the utilization of folktales as reading materials for EFL students. *Journal of English as a Foreign Language Education*, 4(2), 115-125. <https://jurnal.untan.ac.id/index.php/JEFLE/article/view/74899>
- Safitri, I. (2023). Exploring the utilization of folktales as reading materials for EFL students. *Journal of English as a Foreign Language Education*, 4(2), 133–143. <http://dx.doi.org/10.26418/jefle.v4i2.74899>
- Shin, Y. K. (2004). Munhakgyojae gaebal gijun-gwa seonjeon [Tiêu chí và lựa chọn giáo trình văn học]. *Gukje Hangukeo Gyoyukhakhoe Gukje Haksulbalpyo Nonmunjip* 2004, 441–450.
- Simon, M. P. (2022). The benefits of using fairy tales in EFL classrooms. *Asian Education Studies*, 7(3), 1–7. <https://doi.org/10.20849/aes.v7i3.1138>
- Son, D. I. (1984). *Hanguk jeonlae donghwa yeongu* [Nghiên cứu về truyện cổ tích Hàn Quốc]. Jeongeum Munhwasa.
- Taylor, E. K. (2000). *Using folktales*. Cambridge University Press.
- TOPIK. (n.d.). *Official website of the test of proficiency in Korean*. <https://www.topik.go.kr>
- Woo, I. H. (2016). *Hangugeo-ihae gyoyukron* [Lý luận giảng dạy hiểu tiếng Hàn]. Hyungseul Publishing.
- Yoon, K. A. (2017). *Korean through folktales*. Portland State University. <https://pdxscholar.library.pdx.edu/cgi/viewcontent.cgi?article=1013&context=pdxopen>